**Số: 6149663**

| | NEW PEUGEOT 5008 GT | Kia New Sorento - 2.5G Signature FWD (Tùy chọn màu nội thất) |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **1.209.000.000đ** | **1.229.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 4670 x 1855 x 1655 | 4,815 x 1,900 x 1,700 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2840 | 2815 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5400 | 5780 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 165 | 176 |
| Khối lượng không tải (kg) | 1570 | |
| Khối lượng toàn tải (kg) | 2200 | |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 780 | 357 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 56 | 67 |
| Số chỗ ngồi | 7 | 7 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | SX-LR trong nước |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM | Efficient Modular Platform | |
| Loại động cơ | 1.6L Turbo High Pressure | Smartstream G2.5 |
| Dung tích xi lanh (cc) | 1599 | 2497 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 165 @ 6000 | 177 / 6000 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 245 @ 1400 - 4000 | 232 / 4000 |
| Hộp số | 6AT | 6AT |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước (FWD) | Cầu trước FWD |
| Hệ thống treo trước | Độc lập Mc Pherson | McPherson |
| Hệ thống treo sau | Bán độc lập | Liên kết đa điểm |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | Đĩa |
| Hệ thống phanh sau | Đĩa | Đĩa |
| Thông số lốp xe | 235/50 R19 | 255/45 R20 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 11,52 | 11.70 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 7,07 | 6.7 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 8,69 | 8.6 |
| Chế độ lái | Normal/Sport/Manual | Comfort/Eco/Sport/Smart |
| Chế độ địa hình | Normal/Snow/Mud/Sand/ESP Off | |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | LED Projector | LED Projector |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | ● |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần | ● | ● |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu | ● | |
| Đèn ban ngày LED | ● (Nanh sư tử) | ● |
| Cụm đèn sau | LED | LED |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ● | ● |
| Gạt mưa tự động | ● | ● |
| Cửa sổ trời | ● | |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Vô lăng bọc da | ● | ● |
| Chất liệu ghế | Da Claudia Habana | Da |

| | | |
|---|---|---|
| Ghế người lái chỉnh điện | ● | ● |
| Ghế người lái có nhớ vị trí | ● | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ● | ● |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi | ● | ● (+ sưởi hàng ghế 2, vô lăng) |
| Hàng ghế trước có tính năng massage | ● | |
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● (Kính 2 lớp tại hàng ghế trước) | ● |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | 12.3 Inch | 12.3'' |
| Màn hình giải trí trung tâm | 10 Inch | 12.3'' |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ● | ● |
| Hệ thống điều hòa tự động | ● (Kiểm soát chất lượng không khí thông minh | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 2 | 2 vùng |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | ● | ● |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |
| Hệ thống âm thanh | 10 loa Focal (515W) | 12 loa Bose |
| Lẫy chuyển số | ● | ● |
| Sạc không dây Qi | ● | ● |
| Phanh đỗ điện tử | ● | ● |
| Đèn trang trí nội thất | ● | ● |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ● | ● |
| **AN TOÀN:** | | |
| Số túi khí | 6 | 6 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA | ● | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | ● |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ● | |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Trước & sau | Trước & Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù | ● | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù) |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường | ● | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình | ● | |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp | ● | ● |
| Camera lùi | Camera 360 độ + (Ghi hình) | Camera 360 |
| Khác | Hỗ trợ đỗ xe tự động | Cảnh báo & hỗ trợ tránh va chạm phía trước (FCA 2.0) |